

Quyết định giám đốc thẩm

số: 25/2017/KDTM-GĐT

Ngày 06-9-2017

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- *Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:* 13 (mười ba) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Văn Thuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tô Thị Kim Nhung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tối cao.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:* Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng S, địa chỉ: Số 927 đường T, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê H1 và ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27-6-2014).

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại TP; địa chỉ: Quốc lộ 54, ấp T, xã TT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Tăng T, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại TP).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH, địa chỉ: Số 45D, ấp T, xã TT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 03-7-2010, được bổ sung ngày 17-6-2013 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng S trình bày:

Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại TP (sau đây gọi tắt là Công ty TP) vay 77.000.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0121/HĐTD/NHHM/SCBĐT.08 ngày 16-9-2008 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 0121, trong hợp đồng này có các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể là Hợp đồng số 0121/44/HM/HTLS/SCBĐT-09 ngày 12-02-2009 và 0121/45/HM/HTLS/SCBĐT-09 ngày 19-02-2009), Ngân hàng cho Công ty TP vay 60.000.000.000 đồng; thời gian vay 12 tháng; lãi suất cho vay là mức lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phạt do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là 5% trên số dư nợ gốc và lãi (Điều 16).

2. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0071/TH/SCB SĐ-VL.07 ngày 31-5-2007 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 0071), Ngân hàng cho Công ty TP vay 17.000.000.000 đồng; thời gian vay 48 tháng; lãi suất cho vay 1,1%/tháng cho năm đầu, các năm kế tiếp tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng của Ngân hàng loại lĩnh cuối kỳ + 0,4%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; tỷ lệ lãi phạt chậm thanh toán bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phạt do không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là 5% trên số dư nợ gốc và lãi (Điều 19).

Công ty TP và ông Tăng T thế chấp tài sản thuộc sở hữu và sử dụng của mình để bảo đảm cho các khoản vay trên như sau:

- Tài sản của Công ty TP:

+ Hợp đồng thế chấp số 0071/TC/SCB SĐ-VL.07 ngày 31-5-2007 (được công chứng ngày 01-6-2007 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp và được đăng ký giao dịch bảo đảm) gồm: Xưởng sản xuất chính, Văn phòng làm việc, Nhà ăn + Y tế, Kho bao bì, Xưởng cơ khí, Khu máy phát (theo Giấy chứng nhận sở hữu công trình số 878763022600101 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 13-4-2006); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807412 thửa số 1490, tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 13-12-2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807106 thửa số 766, tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21-6-2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807102 thửa số 1489, tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21-6-2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807104 thửa số 1260, tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21-6-2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807103 thửa số 1395, tờ bản đồ số 03 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21-6-2005 để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0071.

+ Hợp đồng thế chấp số 0071/TC/SCB SĐ-VL.07 ngày 31-5-2007 (được công chứng ngày 04-6-2007 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh An Giang) gồm máy móc thiết bị, kho lạnh, dây chuyền sản xuất bảo quản đông lạnh cá thành phẩm gồm từ số 01 đến số 29 để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0071.

+ Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh số 0121/HĐTC/SCBĐT.07 ngày 22-9-2008 (được công chứng ngày 22-9-2008 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp) trị giá hàng hóa 85.715.000.000 đồng bảo đảm cho khoản vay vốn 60.000.000.000 đồng và lãi, lãi quá hạn, phí liên quan đến việc thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại của Hợp đồng tín dụng số 0121 (Hợp đồng thế chấp này không có trong hồ sơ vụ án).

- Tài sản của ông Tăng T: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0071/TC/SCB SĐ-VL.07 ngày 31-5-2007 (được công chứng ngày 01-6-2007 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang) gồm Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001111724 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 29-6-2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AC 433236 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 29-6-2005; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AĐ 126941 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 29-6-2005 để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0071.

Công ty TP vi phạm nghĩa vụ trả nợ của cả hai hợp đồng tín dụng trên từ ngày 21-02-2009.

Ngày 01-8-2009, Ngân hàng, Công ty TP và ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty TP (gồm 05 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, máy móc thiết bị) đang thế chấp cho Ngân hàng với số tiền 37.000.000.000 đồng để trả nợ.

Ông Lê H đã trả cho Công ty TP 32.328.196.437 đồng, còn 4.671.803.563 đồng chưa trả.

Sau khi chuyển nhượng tài sản trả nợ, Công ty TP còn nợ Ngân hàng 3.896.351.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 0121.

Tại Biên bản làm việc ngày 11-9-2009, ông Lê H xác nhận chưa trả cho Công ty TP 20% số tiền chuyển nhượng tài sản; cam kết chịu trách nhiệm trả lãi quá hạn phát sinh thay cho Công ty TP trên số nợ gốc là 3.896.351.000 đồng kể từ ngày hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản 03-8-2009.

Do Công ty TP và ông Lê H vẫn không hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản để trả nợ cho Ngân hàng và ông Lê H vẫn không trả phần nợ lãi phát sinh của Công ty TP như đã cam kết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TP và ông Lê H liên đới trả cho Ngân hàng 6.993.375.214 đồng (tạm tính đến ngày 17-12-2013). Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0121/44/HM/HTLS/SCBĐT-09 ngày 12-02-2009: Vốn gốc 2.346.351.000 đồng, lãi trong hạn 1.093.014.313 đồng, lãi quá hạn 546.507.157 đồng, phạt 5% trên số dư nợ gốc và lãi là 171.968.266 đồng;

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0121/45/HM/HTLS/SCBĐT-09 ngày 19-02-2009: Vốn gốc 1.550.000.000 đồng, lãi trong hạn 797.022.917 đồng, lãi quá hạn 371.160.416 đồng, phạt 5% trên số dư nợ gốc và lãi là 117.351.145 đồng.

Cụ thể là: Công ty TP phải trả nợ gốc 3.896.351.000 đồng, lãi trong hạn 74.593.750 đồng, lãi quá hạn gốc 9.945.833 đồng, phạt vi phạm hợp đồng = 5% x (nợ gốc + nợ lãi trong hạn) 289.319.411 đồng, tổng là 4.270.209.994 đồng; ông Lê H phải trả lãi trong hạn 1.815.443.480 đồng, lãi quá hạn gốc 907.721.740 đồng, tổng là 2.723.165.220 đồng (nhưng không quá số tiền ông Lê H còn nợ Công ty TP); đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 18-12-2013 trên nợ gốc thực, với mức lãi suất quá hạn của Hợp đồng tín dụng, phụ lục, thông báo điều chỉnh lãi suất cho đến khi Công ty TP và ông Lê H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty TP và ông Lê H không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của Công ty TP và ông Lê H theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại TP trình bày:

Thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng theo các hợp đồng như Ngân hàng trình bày, thống nhất trả nợ gốc, còn lãi hiện nay Công ty TP đang gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng chỉ tính lãi trong hạn, không tính lãi quá hạn; bên cạnh đó, cũng yêu cầu ông Lê H trả lãi từ ngày 03-8-2009 đến khi trả hết nợ của Công ty TP cho Ngân hàng theo Văn bản thỏa thuận ngày 11-9-2009.

Ngày 27-01-2010, ông Tăng T ủy quyền cho ông Lê Quy HH (nhân viên Ngân hàng) được đại diện và nhân danh Công ty TP khởi kiện yêu cầu Tòa án và Cơ quan thi hành án buộc Doanh nghiệp tư nhân TH phải thanh toán hết số tiền mua bán, chuyển nhượng và bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có) cho Công ty TP. Ông HH được quyền nhận tiền bán tài sản để thanh toán các khoản nợ còn lại của Công ty TP tại Ngân hàng. Đồng thời yêu cầu được vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử vụ án vì ông T đang điều trị bệnh nên không đủ sức khỏe để đi lại, làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH trình bày: Thừa nhận có ký các hợp đồng chuyển nhượng và văn bản thỏa thuận ngày 11-9-2009 như Ngân hàng trình bày. Ông không đồng ý trả số tiền lãi trên theo yêu cầu của Ngân hàng và Công ty TP với lý do Doanh nghiệp TH vẫn chưa sang tên tài sản từ Công ty TP được mặc dù đã nhận của Công ty TP từ tháng 8-2009 vì Công ty Toàn Phát vẫn đang nợ thuế tại Chi cục thuế huyện Lai Vung. Chi cục thuế huyện Lai Vung đã có thông báo các hóa đơn mà Công ty TP phát hành sau khi chuyển nhượng tài sản cho ông Lê H không có giá trị. Do các nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn, Doanh nghiệp tư nhân TH vẫn chưa thể hoàn tất thủ tục đóng thuế và đăng bộ. Doanh nghiệp tư nhân TH chỉ thực hiện lời hứa của mình khi việc mua bán và chuyển quyền sở hữu được hoàn tất nên không chấp nhận bất cứ yêu cầu nào của Ngân hàng. Ngoài ra, ông Hải đã thanh toán thay cho Công ty TP tổng số 4.707.609.807 đồng là đã vượt quá số tiền 4.671.803.563 đồng mà ông nợ Công ty TP từ việc chuyển nhượng tài sản nhưng những chứng từ này Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đang thu giữ.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2013/KDTM-ST ngày 23-12-2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại TP trả cho Ngân hàng S 4.270.209.995 đồng.

Buộc ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH phải trả cho Ngân hàng S 2.723.165.220 đồng lãi tính đến 17-12-2013 và tiếp tục chịu lãi của số tiền 3.896.351.000 đồng đến khi thực hiện xong cam kết ngày 11-9-2009.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27-12-2013, ông Lê H có đơn kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 39/2014/KDTM-PT ngày 07-7-2014, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH phải trả cho Ngân hàng S 2.723.165.220 đồng lãi, tính đến 17-12-2013 và tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc 3.896.351.000 đồng của Công ty TP cho đến khi Công ty TP thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 11-6-2015, ông Lê H có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2017/KN-KDTM ngày 30-6-2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 39/2014/KDTM-PT ngày 07-7-2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2013/KDTM-ST ngày 23-12-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Văn bản thỏa thuận ngày 01-8-2009 giữa Ngân hàng, Công ty TP và ông Lê H thể hiện: Ngân hàng chấp nhận cho Công ty TP bán, chuyển nhượng toàn bộ tài sản (gồm 05 quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình, máy móc thiết bị) đang thế chấp tại Ngân hàng cho ông Lê H với giá 37.000.000.000 đồng để trả nợ, nên ngày 03-8-2009 và ngày 11-8-2009, Công ty TP và ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH đã ký các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng mua bán tài sản, Hợp đồng mua bán

quyền sở hữu công trình. Trong đó, hai bên thỏa thuận thanh toán bằng chuyển khoản qua tài khoản của Công ty TP tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đồng Tháp; việc thanh toán do hai bên tự thực hiện. Như vậy, việc Công ty TP chuyển nhượng toàn bộ tài sản thế chấp là đã được sự đồng ý của Ngân hàng.

[2] Tại Biên bản làm việc ngày 11-9-2009 giữa Ngân hàng với Doanh nghiệp tư nhân TH do ông Lê H - Chủ doanh nghiệp làm đại diện thể hiện: Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận ngày 01-8-2009, Ngân hàng yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân TH thanh toán hết 20% giá trị nhận chuyển nhượng nhà máy (tương đương 7.400.000.000 đồng, đã trả được 2.728.000.000 đồng, còn lại 4.672.000.000 đồng) cho Công ty TP qua tài khoản tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đồng Tháp để Ngân hàng thu hồi nợ. Ông Lê H trình bày việc sang tên chủ sở hữu đối với các tài sản đã nhận chuyển nhượng gặp khó khăn do Công ty TP còn nợ thuế nên Cục thuế tỉnh Đồng Tháp chưa đồng ý cho Công ty TP chuyển nhượng tài sản; Doanh nghiệp tư nhân TH cam kết sẽ trả dứt điểm số tiền 20% tổng giá trị chuyển nhượng nhà máy (số tiền còn nợ 4.672.000.000 đồng) ngay sau khi việc chuyển tên sở hữu thực hiện xong; đồng ý trả phần lãi và lãi phạt quá hạn phát sinh trên số dư còn lại của Công ty TP còn nợ Ngân hàng kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản tại Phòng Công chứng (nhưng không quá số tiền Doanh nghiệp tư nhân TH còn nợ Công ty TP). Như vậy, nội dung thỏa thuận trong Biên bản làm việc ngày 11-9-2009 và Văn bản thỏa thuận ngày 01-8-2009 là thỏa thuận có điều kiện để thực hiện các Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng tài sản nêu trên giữa Công ty TP với ông Lê H.

[3] Thực tế, việc chuyển tên sở hữu tài sản mua bán, chuyển nhượng từ Công ty TP sang Doanh nghiệp tư nhân TH chưa thực hiện được nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, đánh giá các Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng giữa Công ty TP với ông Lê H có hiệu lực pháp luật hay vô hiệu để xác định trách nhiệm của các bên đối với khoản nợ của Ngân hàng; nếu vô hiệu thì phần nào thuộc trách nhiệm thanh toán của ông Hải, phần nào thuộc trách nhiệm thanh toán của Công ty TP. Tòa án cũng chưa thu thập tài liệu, chứng từ theo ông Hải khai đang do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai thu giữ thể hiện ông H đã thanh toán thay cho Công ty TP 4.707.609.807 đồng là vượt quá tổng số tiền mà ông H còn nợ Công ty TP từ việc nhận chuyển nhượng tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông Lê H phải trả cho Ngân hàng 2.723.165.220 đồng lãi tính đến 17-12-2013 và tiếp tục chịu lãi của số tiền 3.896.351.000 đồng đến khi thực hiện xong cam kết ngày 11-9-2009, còn Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê H phải trả cho Ngân hàng 2.723.165.220 đồng lãi (tính đến 17-12-2013) và tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc 3.896.351.000 đồng của Công ty TP cho đến khi Công ty TP thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên đều chưa đủ căn cứ.

[4] Đối với số tiền phạt chậm trả lãi: Do chậm thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng, Công ty TP đã phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tuy nhiên, tại Điều 16 của Hợp đồng tín dụng số 0121 và Điều 19 của Hợp đồng tín dụng số 0071 các bên còn thỏa thuận nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn thì Công ty TP còn phải chịu thêm số tiền

phạt là 5% trên số nợ gốc và lãi, tức là Công ty TP phải chịu lãi chồng lãi nên thỏa thuận này của các bên là trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty TP phải trả tiền phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 289.319.411 đồng (tính đến ngày 17-12-2013) là không đúng.

[5] Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0071/TC/SCBSĐ-VL.07 ngày 31-5-2007 (được công chứng ngày 01-6-2007 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang) cho thấy ông Tăng T dùng tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của mình để bảo đảm thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ Hợp đồng tín dụng số 0071 của Công ty TP tại Ngân hàng với số tiền vốn gốc là 1.500.000.000 đồng và các khoản lãi, phí khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm mới chỉ xem xét trách nhiệm thanh toán nợ của Công ty TP và ông Lê H mà chưa xem xét trách nhiệm bảo lãnh của ông Tăng T, từ đó, không đưa ông T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có phải ông T đã dùng tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0121 để thanh toán cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 0071 hay không là không đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 11/2017/KN-KDTM ngày 30-6-2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 39/2014/KDTM-PT ngày 07-7-2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2013/KDTM-ST ngày 23-12-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng S với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất, thương mại TP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (kèm hồ sơ);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKT II TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuần

